SỞ Y TẾ HÀ NỘI
**BỆNH VIỆN TÂM THẦN MỸ ĐỨC**

# BIỂU CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN TÂM THẦN MỸ ĐỨC NĂM 2025

*(Kèm theo Kế hoạch số: 77 /KH-BVTT ngày 25/12/2025 của Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức)*

| Stt | Tên đơn vị, khoa phòng | Chỉ tiêu biên chế viên chức được giao (người) | Số lượng viên chức hiện có (người) | Số lượng viên chức chưa sử dụng (người) | Chỉ tiêu cần tuyển dụng năm 2025 | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Vị trí việc làm cần tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Số lượng (người) | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Hình thức tuyển dụng (thi tuyển; xét tuyển) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức** | **183** | **164** | **19** | | | | | | | | |
| 1 | Ban Giám đốc | 3 | 3 | 0 | | | | | | | | |
| 2 | Phòng Tổ chức hành chính | 10 | 10 | 0 | | | | | | | | |
| 3 | Phòng Kế hoạch tổng hợp | 8 | 8 | 0 | | | | | | | | |
| 4 | Phòng Tài chính kế toán | 7 | 7 | 0 | | | | | | | | |
| 5 | Phòng Điều dưỡng | 7 | 7 | 0 | | | | | | | | |
| 6 | Khoa Khám bệnh | 19 | 18 | 1 | | | | | | | | |
| 7 | Khoa Xét nghiệm | 12 | 10 | 2 | Bác sĩ (hạng III) | Bác sĩ (hạng III) | V.08.01.03 | Hạng III | 1 | Đại học | Bác sĩ đa khoa | Xét tuyển |
| | | | | | Kỹ thuật Y hạng IV | Kỹ thuật Y hạng IV | V.08.07.19 | Hạng IV | 1 | Cao đẳng | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Xét tuyển |
| 8 | Khoa Chẩn đoán hình ảnh | 11 | 10 | 1 | Kỹ thuật Y hạng IV | Kỹ thuật Y hạng IV | V.08.07.19 | Hạng IV | 1 | Cao đẳng | Kỹ thuật hình ảnh y học | Xét tuyển |

| Stt | Tên đơn vị, khoa phòng | Chỉ tiêu biên chế viên chức được giao (người) | Số lượng viên chức hiện có (người) | Số lượng viên chức chưa sử dụng (người) | Chỉ tiêu cần tuyển dụng năm 2025 | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Vị trí việc làm cần tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Số lượng (người) | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Hình thức tuyển dụng (thi tuyển; xét tuyển) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 9 | Khoa Nữ | 21 | 17 | 4 | Bác sĩ (hạng III) | Bác sĩ (hạng III) | V.08.01.03 | Hạng III | 3 | Đại học | Bác sĩ đa khoa | Xét tuyển |
| | | | | | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Hạng IV | 1 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Xét tuyển |
| 10 | Khoa Nam I | 23 | 20 | 3 | Bác sĩ (hạng III) | Bác sĩ (hạng III) | V.08.01.03 | Hạng III | 2 | Đại học | Bác sĩ đa khoa | Xét tuyển |
| | | | | | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Hạng IV | 1 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Xét tuyển |
| 11 | Khoa Nam II | 23 | 20 | 3 | Bác sĩ (hạng III) | Bác sĩ (hạng III) | V.08.01.03 | Hạng III | 2 | Đại học | Bác sĩ đa khoa | Xét tuyển |
| | | | | | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Hạng IV | 1 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Xét tuyển |
| 12 | Khoa Đông Y - Nghiện chất | 21 | 20 | 1 | | | | | | | | |
| 13 | Khoa Dược | 13 | 12 | 1 | | | | | | | | |
| 14 | Khoa Dinh dưỡng tiết chế | 5 | 2 | 3 | Bác sĩ (hạng III) | Bác sĩ (hạng III) | V.08.01.03 | Hạng III | 1 | Đại học | Bác sĩ đa khoa | Xét tuyển |
| | | | | | Dinh dưỡng hạng III | Dinh dưỡng hạng III | V.08.09.25 | Hạng III | 1 | Đại học | Dinh dưỡng | Xét tuyển |

| Stt | Tên đơn vị, khoa phòng | Chỉ tiêu biên chế viên chức được giao (người) | Số lượng viên chức hiện có (người) | Số lượng viên chức chưa sử dụng (người) | Chỉ tiêu cần tuyển dụng năm 2025 | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Vị trí việc làm cần tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Số lượng (người) | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố | Hình thức tuyển dụng (thi tuyển; xét tuyển) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| | | | | | Dinh dưỡng hạng IV | Dinh dưỡng hạng IV | V.08.09.26 | Hạng IV | 1 | Cao đẳng | Dinh dưỡng | Xét tuyển |
| | **Tổng** | **183** | **164** | **19** | | | | | **16** | | | |